1.2.1) Vai trò của phép biện chứng duy vật đối với nền tảng nhận thức của con người

Phép biện chứng duy vật là cơ sở cho nhận thức của con người hay là nói C.Mác đã đem lại cho loài người tiến bộ một vũ khí lý luận sắc bén, công cụ nhận thức vĩ đại.

Những cống hiến của C.Mác trong lĩnh vực triết học không phải do mục đích tự thân, chủ quan của C.Mác mà nhằm giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của nhân loại. C.Mác đã sớm khẳng định: “Giống như triết học thấy giai cấp vô sản là vũ khí vật chất của mình, giai cấp vô sản cũng thấy triết học là vũ khí tinh thần của mình”[1]. Trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giai cấp vô sản đã tìm thấy công cụ nhận thức vĩ đại, vũ khí tinh thần của mình là triết học Mác. Sự kết hợp triết học Mác với phong trào công nhân đã tạo nên bước chuyển biến về chất của phong trào từ trình độ tự phát lên tự giác. C.Mác đã làm cho triết học của các ông trở thành thế giới quan, phương pháp luận cách mạng và khoa học để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Phép biện chứng duy vật là cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học, là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin là triết học duy vật, bởi triết học đó coi ý thức là tính chất của dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người và nhiệm vụ của bộ não người là phản ánh thế giới tự nhiên. Sự phản ánh có tính biện chứng, bởi nhờ nó mà con người nhận thức được mối quan hệ qua lại chung giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới vật chất; đồng thời nhận thức được sự vận động và phát triển của thế giới.

Các phạm trù đều phản ánh các hình thức tồn tại phổ biến, các mặt và các mối liên hệ phổ biến của hiện thực khách quan. Muốn vạch mở được sự phong phú các tính quy luật biện chứng thì phải khảo sát mối liên hệ hữu cơ và sự phụ thuộc lẫn nhau của hệ thống phạm trù phản ánh chúng. Lần đầu tiên vấn đề phạm trù được trình bày bao quát trong triết học Hêghen. Ông cũng lấy các nguyên tắc biện chứng làm cơ sở cho hệ thống các phạm trù của mình, trình bày các phạm trù trong sự vận động, phát triển, chuyển hóa lẫn nhau, và xét chúng như là những nấc thang phát triển của ý niệm tuyệt đối. Không phải ngẫu nhiên mà dù là nhà duy tâm, Hêghen vẫn tài tình đoán ra tình hình thực của các đối tượng. Trong hệ thống phạm trù đầy mâu thuẫn, Hêghen đã tái hiện được một loạt các tính quy luật và mối liên hệ phổ biến sâu sắc. Nhưng khác với Hêghen đã rút mối liên hệ các phạm trù tự sự vận động của tư duy, ý niệm, các nhà kinh điển triết học Mác - Lênin xét các phạm trù như là các hình thức phản ánh phổ biến về hiện thực và như những nấc thang phát triển của nhận thức xã hội và thực tiễn. Mỗi phạm trù gắn với một thời kỳ phát triển nhận thức nhất định. Trong khi ghi nhận những thuộc tính và mối liên hệ phổ biến do nhận thức vạch ra ở một thời kỳ phát triển của nó, các phạm trù phản ánh những đặc thù của thời kỳ đó và là những điểm tựa để con người vươn cao tiếp tục nhận thức, là những nút điểm đánh dấu bước chuyển của nhận thức từ thời kỳ phát triển này sang thời kỳ khác. V.I.Lênin viết: ”Trước con người, có màng lưới những hiện tượng tự nhiên. Con người bản năng, người man rợ, không tự tách khỏi giới tự nhiên. Người có ý thức tự tách khỏi giới tự nhiên, những phạm trù là những giai đoạn của sự tác khỏi đó, tức là của sự nhận thức thế giới, chúng là những điểm nút của màng lưới, giúp ta nhận thức và nắm vững được màng lưới”[2].  
Phép biện chứng là một cống hiến vĩ đại và không thể phủ nhận của C.Mác. Trong khi thừa nhận những hạt nhân hợp lý, C.Mác đã chỉ ra thế giới quan duy tâm, lộn ngược, tính chất bảo thủ, phản động, bất lực trước những vấn đề xã hội và lịch sử trong phép biện chứng của Hêghen. C.Mác đã đặt ra yêu cầu phải sử dụng phép biện chứng duy vật để phân tích các vấn đề xã hội và lịch sử. Theo đó, phép biện chứng duy vật của C.Mác khác hẳn về chất so với phép biện chứng duy tâm của Hêghen. Đúng như C.Mác đã khẳng định: “Phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hêghen về cơ bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy nữa.”[3]. Tạo ra sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng là cống hiến vĩ đại của C.Mác mà trong lịch sử triết học chưa từng có. Phép biện chứng duy vật trở thành cơ sở của thế giới quan và phương pháp luận khoa học, vì nó là một hệ thống lý luận phản ánh những mối liên hệ, những quá trình biến đổi của bản thân thế giới hiện thực, căn cứ vào những kết quả khoa học đã được đúc kết, kết hợp với sự tổng kết, khái quát thực tiễn hoạt động của con người. Phương pháp luận của phép biện chứng là những kết luận được rút ra từ việc khảo sát các mối liên hệ của các sự vật, từ quá trình phát sinh, phát triển cụ thể của nó, “từ các mặt liên hệ, liên kết, vận động, sinh ra và mất đi của các sự vật”. Vì vậy, phương pháp luận của phép biện chứng duy vật được coi là những nguyên tắc xuất phát chỉ đạo các chủ thể trong việc xác định phạm vi, phương pháp, cách thức, phương tiện tác động nhằm tạo ra những biến đổi cho phù hợp và hiệu quả.

Khi giới thiệu về C.Mác, V.I.Lênin định nghĩa “… phép biện chứng, tức là học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người, nhận thức này phản ánh vật chất luôn phát triển không ngừng”[4]. Qua đó, nói phép biện chứng duy vật là cơ sở cho nhận thức của con người bởi hệ thống lôgíc tư duy của con người được xây dựng lên từ những lý thuyết hàn lâm, kinh nghiệm thực tiễn và bản năng sinh tồn giúp chúng ta xác định sự tồn tại và tính chất của các sự vật xung quanh. Do đó, ta hiểu nhận thức về sự vật phải xuất phát từ chính bản thân sự vật hiện tượng đó với những thuộc tính, mối liên hệ bên trong vốn có của nó. Vì vậy, nhận thức cần đạt tới cái bản chất, cái quy luật chi phối sự vật. Đây là quá trình khó khăn và phải trải qua nhiều giai đoạn, bởi lẽ cái bản chất thể hiện qua vô vàn các hiện tượng phong phú, đa dạng, phức tạp và luôn vận động, biến đổi. Bằng thực tiễn, thông qua thực tiễn, kết quả của hoạt động thực tiễn cho phép đánh giá tri thức ấy có khách quan, đúng đắn hay không. V.I.Lênin viết: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức”[5]. Vì vậy, trong nhận thức cần tránh thái độ thụ động, chủ quan, bảo thủ, trì trệ, thiếu tính sáng tạo, mà cần chủ động, tích cực, thông qua hoạt động thực tiễn của con người để nhận biết đúng các thuộc tính, các cấp độ bản chất, các hệ thống quy luật chi phối sự vật.

Theo V.I.Lênin đã viết rằng: “Muốn thực sự thấu hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và “quan hệ gián tiếp” của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xem xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc”[6]. Những chỉ dẫn trên của V.I.Lênin nhắc nhở con người trong nhận thức, muốn biết chân tướng của sự vật cần phải xem xét sự vật trong mối liên hệ qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, các thuộc tính khác nhau của nó; phải xem xét sự vật, hiện tượng này trong mối liên hệ với sự vật hiện tượng khác kể cả khâu trung gian của nó, phải xem xét nó trong mối liên hệ với nhu cầu thực tiễn để từ đó thấy được vị trí, vai trò của các mối liên hệ giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hay giữa các sự vật, hiện tượng với nhau. Qua đó, xác định được những quan hệ trọng tâm trọng điểm cần được giải quyết trong những điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Nguyên tắc toàn diện này cũng chỉ ra rằng, một luận điểm là đúng đắn trong những quan hệ này lại trở thành sai lầm trong những quan hệ khác, một luận điểm, một hướng đi, một cách làm là đúng đắn, hữu ích trong điều kiện này lại có thể là không phù hợp, có hại trong điều kiện khác.

1.2.2) Vai trò của phép biện chứng duy vật đối với sự phát triển nhận thức của con người, cải tạo thế giới

1.2.2.1) Phép biện chứng duy vật giúp con người đạt được tiến bộ tri thức, phát triển và nâng cao hiểu biết về sự vật hiện tượng qua nền tảng vững chắc, từ đó đổi mới, sáng tạo các tri thức, kĩ năng.

Trong tác phẩm “Chống Đuyrinh”, khi bàn về các quy luật, Ph.Ăngghen định nghĩa: “phép biện chứng đã được coi là khoa học về những quy luật phổ biến nhất của mọi vận động. Điều đó có nghĩa là những quy luật ấy phải có hiệu lực đối với vận động trong giới tự nhiên và trong lịch sử loài người cũng như với vận động của tư duy”[7].

Phép biện chứng trở thành một tất yếu tuyệt đối với khoa học tự nhiên, khoa học này đã rời bỏ địa hạt mà trước kia trong đó chỉ có những phạm trù cố định cũng đủ. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học ngày nay đòi hỏi đổi mới trong nhận thức con người, càng chứng tỏ sự cần thiết phải có tư duy biện chứng duy vật và ngược lại phải phát triển lý luận triết học của chủ nghĩa Mác dựa trên những thành tựu của khoa học hiện đại.

Phép biện chứng duy vật chỉ ra rằng, liên hệ là quá trình tác động qua lại - cái tạo thành “nguyên nhân cuối cùng của mọi sự vận động và biến đổi của sự vật”. Cho nên, mối liên hệ phổ biến giữa các sự vật, hiện tượng là nguyên nhân tạo nên sự vận động của chúng. Cũng chính do có mối liên hệ phổ biến mà trong thế giới khách quan luôn tồn tại xu hướng phát triển không ngừng. Vật chất không vận động đi tới tiêu vong mà tạo ra sự chuyển hóa (biến đổi) theo những hướng khác nhau, trong đó có khuynh hướng vận động theo chiều hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn (gọi là phát triển).

Phép biện chứng duy vật hình thành từ sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng; giữa lý luận nhận thức và lôgíc biện chứng. Mỗi nguyên lý của phép biện chứng duy vật đều được xây dựng trên lập trường duy vật, mỗi luận điểm của phép biện chứng duy vật cũng đều được rút ra từ sự vận hành của giới tự nhiên và lịch sử xã hội loài người; mỗi nguyên lý, quy luật, phạm trù của phép biện chứng đều được luận giải trên cơ sở khoa học và được chứng minh bằng toàn bộ sự phát triển của khoa học tự nhiên trước đó.

Các chủ thể cần nhận thức và chuẩn bị các điều kiện cần thiết, các phương pháp hành động cho phù hợp để có được những biến đổi theo chiều hướng phát triển. Đây là quá trình phức tạp, bởi lẽ, sự biến đổi theo chiều hướng phát triển của hiện thực là quá trình vận động có tính quy luật nội tại, diễn ra trong nó, là quá trình phủ định biện chứng, phủ định có kế thừa.

1.2.2.2) Khả năng cải tạo thế giới của phép biện chứng duy vật

"Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề

là cải tạo thế giới"[8]. Luận điểm đó của Mác nói lên sự khác nhau về chất giữa triết học

của ông với các học thuyết triết học trước kia, kể cả những học thuyết triết học tiến bộ.

Tuy vậy, Mác không hề phủ nhận, trái lại Mác đã đánh giá cao vai trò to lớn của các nhà

triết học và các học thuyết triết học tiến bộ trong sự phát triển xã hội. Chẳng hạn, Mác

khâm phục và đánh giá rất cao chủ nghĩa vô thần triết học của các nhà duy vật Pháp

thế kỷ XVII. Song, mặt hạn chế về tính thực tiễn là "khuyết điểm chủ yếu" của mọi học

thuyết duy vật trước Mác nên nó chưa trở thành công cụ nhận thức khoa học để cải tạo

thế giới bằng cách mạng. Nay nó đã được Mác khắc phục, vượt qua và đi tới chủ nghĩa

duy vật lịch sử làm cho chủ nghĩa duy vật trở thành triệt để.Tất yếu phải vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử, xã hội. C.Mác cho rằng, tiền đề đầu tiên là con người sống và hoạt động, các điều kiện vật chất đảm bảo cho họ tồn tại và phát triển. Toàn bộ lịch sử xã hội loài người bắt đầu từ sản xuất vật chất. Sản xuất vật chất phân biệt con người với con vật. Sản xuất vật chất là cơ sở quyết định sự tồn tại, phát triển của xã hội loài người. Theo đó, C.Mác và Ph.Ăngghen đã giải quyết đúng đắn các mối quan hệ trong lĩnh vực xã hội: tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, ý thức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội; chỉ ra quy luật vận động, phát triển và thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, quy luật về đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp đối kháng, quy luật về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.... Những nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử là thế giới quan, phương pháp luận cách mạng và khoa học để giai cấp công nhân nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử, xác định được mục tiêu, phương pháp, lực lượng tiến hành cách mạng.

Sức mạnh “cải tạo thế giới” của triết học Mác chính là ở sự gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản, giai cấp vô sản trở thành vũ khí vật chất của triết học Mác.

Phép biện chứng duy vật đã kế thừa và phát triển phép biện chứng từ tự phát đến tự giác, tạo ra chức năng phương pháp luận chung nhất, giúp định hướng việc đề ra các nguyên tắc tương ứng trong hoạt động nhận thức và thực tiễn và là một hình thức tư duy hiệu quả quan trọng nhất đối với khoa học, bởi chỉ có nó mới có thể đem lại phương pháp giải thích những quá trình phát triển diễn ra trong thế giới, giải thích những mối quan hệ chung, những bước quá độ từ lĩnh vực nghiên cứu này sang lĩnh vực khác

Triết học Mác là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác, là hạt nhân thế giới quan, phương pháp luận của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là công cụ nhận thức vĩ đại để giai cấp công nhân nhận thức và cải tạo thế giới, xóa bỏ áp bức, bóc lột, bất công; giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, xây dựng chế độ xã hội mới tốt đẹp hơn đó là xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa. Những cống hiến vĩ đại của C.Mác trong lĩnh vực triết học đó là tạo nên sự thống nhất giữa thế giới quan duy vật và phép biện chứng; sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử; làm cho triết học trở thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Ta nhận thấy rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ phản ánh hiện thực đúng như chính bản thân nó tồn tại mà chủ nghĩa duy vật biện chứng còn là một công cụ hữu hiệu giúp những lực lượng tiến bộ trong xã hội cải tạo hiện thực ấy.

Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng tạo nên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ là phương pháp giải thích, nhận thức thế giới, mà chủ nghĩa duy vật biện chứng còn là phương pháp cải tạo thế giới của giai cấp công nhân trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội

Như vậy, có thể thấy phương pháp biện chứng duy vật thể hiện được tư duy mềm dẻo, linh hoạt. Phương pháp biện chứng duy vật thừa nhận rằng trong những trường hợp cần thiết thì bên cạnh cái “hoặc là… hoặc là…” thì còn có cả cái “vừa là… vừa là…” nữa; không những thế nó còn thừa nhận một chỉnh thể nào đó trong lúc “vừa là nó lại vừa không phải là nó”; ngoài ra nó còn thừa nhận cái gọi là khẳng định và cái gọi là phủ định, nó vừa loại trừ nhau lại vừa gắn bó với nhau. Phép biện chứng duy vật phản ánh được cái hiện thực đúng như nó đang tồn tại. Nhờ vậy mà phép biện chứng duy vật đã trở thành những công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức được và cải tạo thế giới.

Những cống hiến vĩ đại của C.Mác trong lĩnh vực triết học đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị. Thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật của triết học Mác là những giá trị vĩnh hằng trong sự vận động, phát triển không ngừng của thực tiễn. Bản chất cách mạng và khoa học của triết học Mác ngày càng được chứng minh bởi sự phát triển của thế giới vật chất, xã hội loài người, đặc biệt là những thành tựu của khoa học. Những người cộng sản phải bảo vệ cho được những giá trị vĩnh hằng của triết học Mác bằng cách nhận thức và vận dụng đúng đắn, sáng tạo, đồng thời thường xuyên bổ sung và phát triển bằng những luận cứ, luận chứng khoa học.

Tóm lại, phép biện chứng duy vật chỉ ra cho chúng ta mối liên hệ của toàn thể các sự vật, hiện tượng, từ quá khứ, hiện tại và tương lai, giúp chúng ta hiểu được nền tảng nhận thức của chúng ta là thành quả của cả một tiến trình lịch sử dày dặn. Khả năng phát triển, sáng tạo của con người chính là dựa trên kiến thức được hun đúc, kinh nghiệm được tích lũy, kĩ năng được tôi luyện để đạt được những thay đổi toàn diện cho xã hội loài người. Cứ thế, mọi sự kiện phát triển đều được in vào tiến trình lịch sử, được loài người thế hệ sau tiếp thu và thấm nhuần, tạo đà cho những công cuộc thay đổi chung của toàn nhân loại. Bánh xe lịch sử cứ thế quay và chu kỳ lịch sử cứ thế tiếp diễn là thay da đổi thịt, là cải tạo toàn cầu, là cách mạng nhân loại.

[1]. C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2002, tr. 589.

[2]. V.I.Lênin(1980), Bút ký triết học, Toàn tập , t.29, Sđd, tr. 102

[3]. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1993, tập 23, tr. 35.

[4]. V.I.Lênin: Toàn tập, tập 23, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2005, tr. 53.

[5]. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1980, t.18, tr. 167

[6]. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1993, tập 23, tr. 35.

[7]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), Toàn tập , t.20, Sđd, tr. 467

[8]. C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995, tập 3, tr. 12.